

SỞ Y TẾ NGHỆ AN  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 567 /TB - KSBT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Nghệ An, ngày 08 tháng 6 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**Về việc công khai thủ tục hành chính**  
**tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An**

Thực hiện công văn số 1441/SYT-VP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Sở Y tế Nghệ An về việc đề nghị công khai thủ tục hành chính tại các đơn vị. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An thực hiện niêm yết, công khai các thủ tục hành chính tại Trung tâm như sau:

1. Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.
2. Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp
3. Cấp giấy kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải tại các cửa khẩu.
4. Cấp giấy kiểm dịch y tế đối với hàng hóa.
5. Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng.
6. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt.
7. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô bộ phận cơ thể người.

(Có quy trình thủ tục kèm theo)

Trên đây là các thủ tục hành chính được thực hiện tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An.

Vậy, Trung tâm kính thông báo đến các đơn vị cá nhân trên địa bàn được biết và nộp hồ sơ khi có nhu cầu thực hiện các thủ tục hành chính trên./.

**Нơi nhận:**

- Sở Y tế (để b/c);
- Ban GD (để b/c);
- Các khoa, phòng (để t/h);
- Trang Web của Trung tâm;
- Lưu: VT, TC-HC. *[Signature]*

**GIÁM ĐỐC**



Chu Trọng Trang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

THỦ TỤC

Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV

do tai nạn rủi ro nghề nghiệp

(Kèm theo Thông báo số 567/TB-KSBT ngày 15 tháng 6 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)

TT	Nội dung	
1	Tên thủ tục	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp
2	Lĩnh vực	Y tế dự phòng
3	Cơ quan thực hiện	- Đơn vị cấp giấy chứng nhận: Sở Y tế Nghệ An. - Đơn vị tiếp nhận, xử lý hồ sơ: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (KSBT) tỉnh Nghệ An
4	Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm KSBT tỉnh Nghệ An.
5	Đối tượng thực hiện	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp (sau đây gọi là cơ quan quản lý) thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế Nghệ An và các đối tượng thuộc quản lý của các bộ, ngành khác, trừ các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.
6	Trình tự thực hiện	<p>- Bước 1: Cơ quan quản lý gửi 01 bộ hồ sơ cho Trung tâm KSBT.</p> <p>- Bước 2: Trung tâm KSBT tiếp nhận hồ sơ và gửi phiếu tiếp nhận hồ sơ cho cơ quan quản lý.</p> <p>- Bước 3: Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Trung tâm KSBT tham mưu Sở Y tế cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.</p> <p>Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Trung tâm KSBT có văn bản thông báo nêu rõ lý do và hướng dẫn cơ quan quản lý bổ sung hồ sơ.</p> <p>- Bước 4: Sở Y tế cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp, trả cho cơ quan quản lý.</p>
7	Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
8	Phí, lệ phí	Không

9	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<p>1. Công văn đề nghị cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp theo quy định tại mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-TTg ngày 22/9/2023;</p> <p>2. Biên bản tai nạn rủi ro nghề nghiệp theo quy định tại mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-TTg ngày 22/9/2023;</p> <p>3. Bản chính hoặc bản sao kết quả xét nghiệm HIV âm tính;</p> <p>4. Bản chính hoặc bản sao kết quả xét nghiệm HIV dương tính của nguồn gây phơi nhiễm HIV (nếu có).</p>
10	<b>Số lượng hồ sơ</b>	01 bộ
11	<b>Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính</b>	<p>Người được xác định bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>1. Khi đang thi hành nhiệm vụ bị một trong các tai nạn sau:</p> <p>a. Bị máu, chế phẩm máu hoặc dịch cơ thể người nhiễm HIV tiếp xúc trực tiếp với niêm mạc hoặc vùng da bị tổn thương;</p> <p>b. Bị máu, chế phẩm máu hoặc dịch cơ thể người không xác định được tình trạng nhiễm HIV tiếp xúc trực tiếp với niêm mạc hoặc vùng da bị tổn thương.</p> <p>2. Có kết quả xét nghiệm HIV âm tính do cơ sở xét nghiệm theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh thực hiện. Mẫu máu sử dụng xét nghiệm HIV phải lấy từ người bị tai nạn rủi ro nghề nghiệp trong thời gian 72 giờ kể từ thời điểm xảy ra tai nạn quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 24/2023/QĐ-TTg ngày 22/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ.</p>
12	<b>Căn cứ pháp lý</b>	<p>1. Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 16/11/2020.</p> <p>2. Quyết định số 24/2023/QĐ-TTg ngày 22/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện xác định người bị phơi nhiễm với HIV, người bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.</p>
13	<b>Biểu mẫu đính kèm</b>	<p>1. Mẫu số 01: Công văn đề nghị cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp - Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-TTg ngày 22/9/2023;</p> <p>2. Mẫu số 03: Biên bản tai nạn rủi ro nghề nghiệp - Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-TTg ngày 22/9/2023.</p>
14	<b>Kết quả thực hiện</b>	Giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp

**Mẫu số 01 - Công văn đề nghị cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp**

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN<sup>1</sup>  
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC<sup>2</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...<sup>3</sup>....-...<sup>4</sup>...  
V/v.....<sup>6</sup>.....

.....<sup>5</sup>....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: .....<sup>7</sup> .....

Thực hiện quy định của pháp luật về cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp,<sup>2</sup> ..... đề nghị .....<sup>7</sup> ..... cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp, cụ thể như sau:

1. Người được đề nghị cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp:

Họ, chữ đệm và tên khai sinh:.....

Số định danh cá nhân:.....

Nơi thường trú: .....

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp:<sup>8</sup> .....

3. ....<sup>2</sup>..... chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....;
- Lưu: VT, ..<sup>4</sup>...

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký của người có thẩm quyền,  
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

**Họ và tên**

**Ghi chú:**

<sup>1</sup> Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp người bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp (nếu có).

<sup>2</sup> Tên cơ quan, tổ chức ban hành công văn đề nghị cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.

<sup>3</sup> Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức ban hành công văn đề nghị cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.

<sup>4</sup> Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.

<sup>5</sup> Địa danh.

<sup>6</sup> Đề nghị cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.

<sup>7</sup> Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

<sup>8</sup> Liệt kê thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.

## Mẫu số 03 – Biên bản tai nạn rủi ro nghề nghiệp

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

#### BIÊN BẢN Tai nạn rủi ro nghề nghiệp

Họ, chữ đệm và tên khai sinh: .....

Số định danh cá nhân:.....

Nơi thường trú: .....

Hoàn cảnh xảy ra tai nạn<sup>1</sup>:

Thông tin về tình trạng phơi nhiễm<sup>2</sup>:

Thông tin về nguồn gây phơi nhiễm<sup>3</sup>:

Đã xử trí như thế nào<sup>4</sup>:

Tình trạng sức khỏe của người bị tai nạn:

.....<sup>5</sup> ..... , ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI BỊ TAI  
NẠN**

Chữ ký

Họ và tên

**NGƯỜI CHỨNG  
KIẾN (nếu có)**

Chữ ký

Họ và tên

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ  
CỦA NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký của người có thẩm quyền,  
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

#### Ghi chú:

<sup>1</sup> Mô tả hoàn cảnh xảy ra tai nạn.

<sup>2</sup> Mô tả chi tiết tình trạng phơi nhiễm do máu, chế phẩm máu hoặc dịch cơ thể người nhiễm HIV tiếp xúc trực tiếp với niêm mạc hoặc vùng da bị tổn thương.

<sup>3</sup> Ghi rõ nguồn gây phơi nhiễm với HIV.

<sup>4</sup> Ghi rõ các xử trí sau khi bị tai nạn.

<sup>5</sup> Địa danh.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

THỦ TỤC

**Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp**  
(Kèm theo Thông báo số 567/TB-KSBT ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)

TT	Nội dung	
1	Tên thủ tục	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp
2	Lĩnh vực	Y tế dự phòng
3	Cơ quan thực hiện	- Đơn vị cấp giấy chứng nhận: Sở Y tế Nghệ An. - Đơn vị tiếp nhận, xử lý hồ sơ: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (KSBT) tỉnh Nghệ An
4	Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm KSBT tỉnh Nghệ An.
5	Đối tượng thực hiện	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp (sau đây gọi là cơ quan quản lý) thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế Nghệ An và các đối tượng thuộc quản lý của các bộ, ngành khác, trừ các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.
6	Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"><li>Bước 1: Cơ quan quản lý gửi 01 bộ hồ sơ cho Trung tâm KSBT</li><li>Bước 2: Trung tâm KSBT tiếp nhận hồ sơ và gửi phiếu tiếp nhận hồ sơ cho cơ quan quản lý.</li><li>Bước 3: Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Trung tâm KSBT tham mưu Sở Y tế cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.</li><li>Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Trung tâm KSBT có văn bản thông báo nêu rõ lý do và hướng dẫn cơ quan quản lý bổ sung hồ sơ.</li><li>Bước 4: Sở Y tế cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp, trả cho cơ quan quản lý.</li></ul>
7	Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ
8	Phí, lệ phí	Không

9	<b>Thành phần hồ sơ</b>	1. Công văn đề nghị cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp theo quy định tại mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-TTg ngày 22/9/2023; 2. Bản chính hoặc sao một trong các giấy tờ sau: kết quả xét nghiệm HIV dương tính, tóm tắt hồ sơ bệnh án của người nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.
10	<b>Số lượng hồ sơ</b>	01 bộ
11	<b>Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính</b>	Người được xác định bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau: 1. Bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp. 2. Có kết quả xét nghiệm HIV dương tính do cơ sở xét nghiệm HIV đủ điều kiện khẳng định HIV dương tính thực hiện. Mẫu máu sử dụng xét nghiệm phải lấy từ người bị phơi nhiễm với HIV tại thời điểm từ đủ 30 ngày đến trước 180 ngày kể từ thời điểm bị tai nạn rủi ro nghề nghiệp.
12	<b>Căn cứ pháp lý</b>	1. Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 16/11/2020. 2. Quyết định số 24/2023/QĐ-TTg ngày 22/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện xác định người bị phơi nhiễm <del>với</del> HIV, người bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.
13	<b>Biểu mẫu đính kèm</b>	Mẫu số 02: Công văn đề nghị cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp - Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-TTg ngày 22/9/2023;
14	<b>Kết quả thực hiện</b>	Giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.

## Mẫu số 02 - Công văn đề nghị cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN<sup>1</sup>  
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC<sup>2</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....<sup>3</sup>.....<sup>4</sup>...  
V/v.....<sup>6</sup>.....

.....<sup>5</sup>....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: .....<sup>7</sup>.....

Thực hiện quy định của pháp luật về cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp,<sup>2</sup> .....<sup>7</sup>..... cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp, cụ thể như sau:

1. Người được đề nghị cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp:

Họ, chữ đệm và tên khai sinh:.....

Số định danh cá nhân:.....

Nơi thường trú: .....

Số Giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp:

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp:<sup>8</sup>.....

3.....<sup>2</sup>..... chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp./.

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- .....;
- Lưu: VT, ....<sup>4</sup>....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký của người có thẩm quyền,  
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

**Họ và tên**

### Ghi chú:

<sup>1</sup> Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp người bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp (nếu có).

<sup>2</sup> Tên cơ quan, tổ chức ban hành công văn đề nghị cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.

<sup>3</sup> Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức ban hành công văn đề nghị cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.

<sup>4</sup> Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.

<sup>5</sup> Địa danh.

<sup>6</sup> Đề nghị cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.

<sup>7</sup> Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

<sup>8</sup> Liệt kê thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

### THỦ TỤC

#### CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TIÊM CHỦNG QUỐC TẾ HOẶC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP DỰ PHÒNG

(Kèm theo Thông báo số 56/TB-KSBT ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình
I	Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng	QT.KD.01
1	<b>NỘI DUNG QUY TRÌNH</b>	
1.1	<b>Điều kiện thực hiện TTHC:</b> Tổ chức, cá nhân  Đối tượng áp dụng: - Đối tượng không có giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng đối với người xuất phát từ hoặc đi đến quốc gia, vùng lãnh thổ có dịch bệnh thuộc nhóm A mà bệnh đó bắt buộc phải tiêm chủng hoặc áp dụng biện pháp dự phòng. - Đối tượng có giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng đã hết hiệu lực đối với người xuất phát từ hoặc đi đến quốc gia, vùng lãnh thổ có dịch bệnh thuộc nhóm A mà bệnh đó bắt buộc phải tiêm chủng hoặc áp dụng biện pháp dự phòng.	
1.2	<b>Cách thức thực hiện TTHC:</b> Thực hiện trực tiếp tại bộ phận Kiểm dịch y tế: Cửa khẩu Nậm Cắn; Cảng Cửa Lò; Cảng Vissai; Cảng Bến Thủy. Cảng hàng không quốc tế Vinh.	
1.3	<b>Thành phần hồ sơ</b>  -	<b>Bản chính</b>
	Đơn đề nghị, theo mẫu BM.KD.01.01	 BM.KD.01.01
		X

-	Minh chứng việc sử dụng vắc xin, biện pháp dự phòng đã áp dụng trước đó còn hiệu lực (nếu có)	x		
1.4	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 (bộ)			
1.5	<b>Thời hạn giải quyết:</b> Ngay sau khi tiếp nhận đủ đơn và tài liệu minh chứng đã tiêm chủng vắc xin phòng bệnh.			
1.6	<p><b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả:</b>  Nhận và trả trực tiếp tại bộ phận Kiểm dịch y tế: Cửa khẩu Nậm Cắn; Cảng Cửa Lò; Cảng Visai; Cảng Bến Thủy. Cảng hàng không quốc tế Vinh.</p>			
1.7	<p><b>Cơ quan thực hiện:</b> Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Nghệ An (Bộ phận Kiểm dịch Y tế quốc tế: Cửa khẩu Nậm Cắn; Cảng Cửa Lò; Cảng Visai; Cảng Bến Thủy. Cảng hàng không quốc tế Vinh)</p> <p><b>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Nghệ An (Bộ phận Kiểm dịch Y tế quốc tế: Cửa khẩu Nậm Cắn; Cảng Cửa Lò; Cảng Visai; Cảng Bến Thủy. Cảng hàng không quốc tế Vinh).</p> <p><b>Cơ quan được ủy quyền:</b> Không</p> <p><b>Cơ quan phối hợp:</b> Không</p>			
1.8	<b>Đối tượng thực hiện TTHC:</b> Tổ chức, cá nhân.			
1.9	<b>Kết quả giải quyết TTHC:</b> Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng.			
1.10	<b>Quy trình xử lý công việc</b>			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng và cung cấp minh chứng việc sử dụng vắc xin, biện pháp dự phòng đã áp dụng trước đó còn hiệu lực với tổ chức kiểm dịch y tế hoặc thực hiện việc tiêm chủng vắc xin	Tổ chức, cá nhân	Trong ngày	BM.KD.01.01
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi vào sổ theo dõi hồ sơ	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cảng, cửa khẩu	Trong ngày	- BM.KD.01.01 - Mẫu 06

B4	Sau khi tiếp nhận đủ đơn và tài liệu minh chứng đã tiêm vắc xin phòng bệnh, tổ chức kiểm dịch y tế cấp Giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cảng, cửa khẩu	Trong ngày	BM.KD.01.02
B4	Trả kết quả cho tổ chức cá nhân	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cảng, cửa khẩu	Trong ngày	BM.KD.01.02 Mẫu 06
<b>2</b>	<b>BIỂU MẪU:</b> (Ghi chú: Áp dụng theo Nghị định 89/2018/NĐ-CP ngày 25/06/2018 của Chính phủ và Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng chính phủ.)			
2.1	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ	 Mẫu 06 .doc	
2.2	BM.KD.01.01	Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng	 BM.KD.01.01	
2.3	BM.KD. 01.02	Giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng	 BM.KD.01.02.docx	
<b>3</b>	<b>THU PHÍ, LỆ PHÍ:</b> (Áp dụng Thông tư 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, Y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập)			
TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa	
1	Tiêm chủng vắc xin Sốt vàng và cấp chứng nhận tiêm chủng quốc tế	USD/lần	8	

HỘ KHẨU  
ĐI TẬP  
AN

2	Tiêm chủng (gồm vắc xin đường uống, đường tiêm), áp dụng biện pháp dự phòng và cấp chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng (gồm lần đầu, tái chủng, theo lịch, kiểm tra cấp lại chứng nhận tiêm chủng quốc tế)	đồng/lần	85.000
<b>4</b>	<b>HỒ SƠ LUU</b>		
4.1	Mẫu 06		
4.2	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3		
4.3	Bản sao giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng		
Hồ sơ được lưu tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Nghệ An, thời gian lưu 03 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ lưu trữ của Sở Y tế và thực hiện lưu trữ theo quy định hiện hành.			



SỞ Y TẾ NGHỆ AN  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

THỦ TỤC

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH Y TẾ PHƯƠNG TIỆN

(Kèm theo Thông báo số 547/TB-KSBT ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình
II	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế phương tiện vận tải	QT.KD.02
1	<b>NỘI DUNG QUY TRÌNH</b>	
1.1	<b>Điều kiện thực hiện TTHC:</b> Tổ chức, cá nhân có phương tiện vận tải nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh qua cửa khẩu, cảng biển.  - Đối tượng phải khai báo y tế Tất cả phương tiện vận tải khi nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh phải thực hiện khai báo y tế, trừ tàu thuyền đã làm thủ tục kiểm dịch y tế khi nhập cảnh ở cảng đầu tiên sau đó chuyển đến các cảng nội địa khác.	
-	Đối tượng kiểm tra giấy tờ: + Phương tiện vận tải có yếu tố nguy cơ: Phương tiện vận tải đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát; Phương tiện vận tải chở người bệnh hoặc người nghi ngờ mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm; Phương tiện vận tải chở hàng hóa mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm. + Phương tiện vận tải có trung gian truyền bệnh truyền nhiễm, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc không bảo đảm điều kiện vệ sinh chung (bao gồm phát hiện chất thải, chất tiết, dấu vết của trung gian truyền bệnh; thực phẩm, rác thải sinh hoạt không được thu gom, bảo quản, xử lý đúng quy định hoặc các khu vực ăn, ở, kho chứa, nhà vệ sinh không được vệ sinh thường xuyên gây tình trạng nấm, mốc, mùi hôi thối).	
-	Đối tượng kiểm tra thực tế:	

	<p>+ Phương tiện vận tải có yếu tố nguy cơ:</p> <p>Phương tiện vận tải đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát;</p> <p>Phương tiện vận tải chở người bệnh hoặc người nghi ngờ mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm;</p> <p>Phương tiện vận tải chở hàng hóa mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.</p> <p>+ Phương tiện vận tải có trung gian truyền bệnh truyền nhiễm, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc không bảo đảm điều kiện vệ sinh chung (bao gồm phát hiện chất thải, chất tiết, dấu vết của trung gian truyền bệnh: thực phẩm, rác thải sinh hoạt không được thu gom, bảo quản, xử lý đúng quy định hoặc các khu vực ăn, ở, kho chứa, nhà vệ sinh không được vệ sinh thường xuyên gây tình trạng nấm, mốc, mùi hôi thối).</p> <p>+ Phương tiện vận tải xuất phát hoặc đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ ghi nhận có trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A mà chưa được xử lý y tế; phương tiện vận tải chở người nghi ngờ, mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A; phương tiện vận tải chở hàng hóa nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm, trung gian truyền bệnh thuộc nhóm A; phương tiện vận tải không có giấy chứng nhận miễn hoặc đã xử lý vệ sinh.</p>		
-	<p><b>Đối tượng xử lý y tế:</b></p> <p>Phương tiện vận tải bị kiểm tra mang hoặc có dấu hiệu mang mầm bệnh truyền nhiễm, trung gian truyền bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.</p>		
1.2	<b>Cách thức thực hiện TTHC:</b> Thực hiện trực tiếp tại bộ phận Kiểm dịch y tế Nghệ An: Cửa khẩu Cửa khẩu Nậm Cắn; Cảng Cửa Lò; Cảng Vissai; Cảng Bến Thủy. Cảng hàng không quốc tế Vinh.		
1.3	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>
	<p><i>Đối với tàu thuyền: Người khai báo y tế thực hiện khai, nộp cho tổ chức kiểm dịch y tế biên giới hoặc thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia trước 12 giờ kể từ khi tàu thuyền dự kiến nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh.</i></p>		
-	Giấy khai báo y tế hàng hải, theo mẫu BM.KD.02.01	 BM.KD.02.01	x
-	Giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền (nếu có), theo mẫu BM.KD.02.04		x

		 BM.KD.02.04		
-	Giấy chứng nhận kiểm tra y tế hàng hóa (trên tàu thuyền), tàu thuyền (nếu có), theo mẫu BM.KD.02.06	 BM.KD.02.06	x	
-	Bản khai chung, theo mẫu BM.KD.02.07	 BM.KD.02.07	x	
	<i>Đối với phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt: Thực hiện khai, nộp cho tổ kiểm dịch y tế biên giới trước khi phương tiện qua cửa khẩu.</i>			
-	Giấy khai báo y tế hàng hóa, phương tiện vận tải, theo mẫu BM.KD.02.02	 BM.KD.02.02	x	
-	Giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không (nếu có), theo mẫu BM.KD.02.05	 BM.KD.02.05	x	
1.4	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 (bộ)			
1.5	<b>Thời hạn giải quyết:</b> Trong ngày làm việc (Tùy thực tế đối với từng loại đối tượng kiểm dịch): Thời gian hoàn thành việc giám sát đối với một phương tiện vận tải không quá 01 giờ đối với phương tiện đường bộ; 02 giờ đối với phương tiện đường thủy.			

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một phương tiện vận tải không quá 20 phút kể từ khi nhận đủ giấy tờ.</li> <li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế không quá 01 giờ đối với phương tiện vận tải đường bộ; 02 giờ đối với phương tiện vận tải đường thủy. Trường hợp quá thời gian kiểm tra nhưng chưa hoàn thành công tác chuyên môn, nghiệp vụ kiểm dịch y tế, trước khi hết thời gian quy định 15 phút, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian kiểm tra thực tế và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế biết, thời gian gia hạn không quá 01 giờ.</li> <li>- Thời gian cấp giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền không quá 30 phút sau khi hoàn thành việc xử lý y tế.</li> <li>- Thời gian hoàn thành các biện pháp xử lý y tế:</li> <li>+ Không quá 01 giờ đối với một phương tiện vận tải đường bộ .</li> <li>+ Không quá 06 giờ đối với một tàu thuyền kể từ thời điểm phát hiện ra phương tiện vận tải thuộc diện phải xử lý y tế.</li> <li>+ Không quá 24 giờ đối với tàu thuyền trong trường hợp phải xử lý y tế bằng hình thức bẫy chuột, đặt mồi, xông hơi diệt chuột.</li> <li>+ Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ đối với một phương tiện vận tải đường bộ; không quá 04 giờ đối với một tàu thuyền kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.</li> </ul>				
1.6	<p><b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả:</b> Trả trực tiếp tại bộ phận Kiểm dịch y tế: Cửa khẩu Cửa khẩu Nậm Cắn; Cảng Cửa Lò; Cảng Vissai; Cảng Bến Thủy. Cảng hàng không quốc tế Vinh.</p>				
1.7	<p><b>Cơ quan thực hiện:</b> Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Nghệ An (Bộ phận Kiểm dịch Y tế quốc tế: Cửa khẩu Cửa khẩu Nậm Cắn; Cảng Cửa Lò; Cảng Vissai; Cảng Bến Thủy. Cảng hàng không quốc tế Vinh.)</p> <p><b>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Nghệ An (Bộ phận Kiểm dịch Y tế quốc tế: Cửa khẩu Cửa khẩu Nậm Cắn; Cảng Cửa Lò; Cảng Vissai; Cảng Bến Thủy. Cảng hàng không quốc tế Vinh).</p> <p><b>Cơ quan được ủy quyền:</b> Không</p> <p><b>Cơ quan phối hợp:</b> Không</p>				
18	<p><b>Đối tượng thực hiện TTHC:</b> Tổ chức, cá nhân có phương tiện vận tải nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh qua cửa khẩu; cảng biển.</p>				
1.9	<p><b>Kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác nhận không cần phải kiểm tra y tế, kết thúc quy trình kiểm dịch: hoặc;</li> <li>- Cấp biên bản kiểm tra, giấy chứng nhận kiểm tra/ xử lý, giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh đối với phương tiện vận tải.</li> </ul>				
1.10	<p><b>Quy trình xử lý công việc</b></p>				
TT	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Trình tự</th> <th>Trách nhiệm</th> <th>Thời gian</th> <th>Biểu mẫu/Kết quả</th> </tr> </thead> </table>	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả		

B1	<p>Khai báo y tế với phương tiện vận tải:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với tàu thuyền: Người khai báo y tế thực hiện khai, nộp các giấy tờ tại cảng cho tổ chức kiểm dịch y tế biên giới hoặc thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia trước 12 giờ kể từ khi tàu thuyền dự kiến nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh.</li> <li>- Đối với phương tiện vận tải đường bộ: Thực hiện khai, nộp giấy khai báo trước khi phương tiện qua cửa khẩu.</li> </ul>	Tổ chức, cá nhân, cán bộ kiểm dịch y tế tại cảng, cửa khẩu	Trong ngày	<ul style="list-style-type: none"> <li>-BMKD.02.01</li> <li>-BMKD.02.02</li> </ul>
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi vào sổ theo dõi hồ sơ	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cảng, cửa khẩu	15 phút	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Mẫu 06,</li> <li>-BMKD.02.01</li> <li>-BMKD.02.02</li> </ul>
B3	<p>Thu thập thông tin trước khi phương tiện vận tải qua biên giới:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số hiệu hoặc biển số của phương tiện vận tải;</li> <li>- Lộ trình của phương tiện vận tải trước khi nhập cảnh, quá cảnh, xuất cảnh;</li> <li>- Thông tin sức khỏe của người đi trên phương tiện vận tải;</li> <li>- Các thông tin cần thiết khác.</li> </ul>	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cảng, cửa khẩu	30 phút	
B4	<p>Xử lý thông tin đối với phương tiện vận tải:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm dịch viên y tế thực hiện kiểm tra y tế theo quy định đối với phương tiện vận tải có yếu tố nguy cơ bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phương tiện vận tải đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát;</li> <li>+ Phương tiện vận tải chở người bệnh hoặc người nghi ngờ mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm;</li> <li>+ Phương tiện vận tải chở hàng hóa mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.</li> </ul> </li> <li>- Trường hợp phương tiện không có yếu tố nguy cơ theo quy định, kiểm dịch viên y tế thực hiện giám sát phương tiện vận tải trong thời gian chờ nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh gồm các nội dung sau:</li> </ul>	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cảng, cửa khẩu	01 giờ	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giám sát trung gian truyền bệnh truyền nhiễm xâm nhập lên, xuống phương tiện vận tải;</li> <li>+ Giám sát trung gian truyền bệnh, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm trong quá trình bốc dỡ, tiếp nhận hàng hóa.</li> </ul> <p>- Trong quá trình giám sát, nếu phát hiện phương tiện vận tải có trung gian truyền bệnh truyền nhiễm, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc không bảo đảm điều kiện vệ sinh chung (bao gồm phát hiện chất thải, chất tiết, dấu vết của trung gian truyền bệnh; thực phẩm, rác thải sinh hoạt không được thu gom, bảo quản, xử lý đúng quy định hoặc các khu vực ăn, ở, kho chứa, nhà vệ sinh không được vệ sinh thường xuyên gây tình trạng nấm, mốc, mùi hôi thối), kiểm dịch viên y tế đề xuất biện pháp kiểm tra y tế vào giấy khai báo y tế đối với phương tiện vận tải.</p> <p>- Trường hợp phương tiện vận tải không thuộc một trong các trường hợp có yếu tố nguy cơ hoặc không cần phải kiểm tra y tế, kiểm dịch viên y tế xác nhận kết quả kiểm dịch y tế, kết thúc quy trình kiểm dịch.</p>			
B5	<p>Kiểm tra giấy tờ đối với phương tiện vận tải:</p> <p>Loại giấy tờ kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với tàu thuyền: giấy khai báo y tế hàng hải, giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/ chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền, bản khai chung (nếu có) và giấy chứng nhận kiểm tra y tế hàng hóa (trên tàu thuyền), tàu thuyền (nếu có);</li> <li>- Đối với phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt: giấy khai báo y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt và giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không (nếu có).</li> </ul>	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cảng, cửa khẩu	20 phút	<ul style="list-style-type: none"> <li>- BM.KD.02.01</li> <li>- BM.KD.02.02</li> <li>- BM.KD.02.04</li> <li>- BM.KD.02.05</li> <li>- BM.KD.02.06</li> <li>- BM.KD.02.07</li> </ul>
B6	<p>Kiểm tra thực tế đối với phương tiện vận tải và lập biên bản kiểm tra</p> <p>Kiểm dịch viên y tế yêu cầu dưa phương tiện vận tải vào khu vực cách ly để thực hiện các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tình trạng vệ sinh chung trên phương tiện vận tải;</li> </ul>	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cảng, cửa khẩu	<p>Không quá 01 giờ đối với phương tiện vận tải đường bộ; 02 giờ đối với</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- BM.KD.02.03</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra trung gian truyền bệnh truyền nhiễm trên phương tiện vận tải;</li> <li>- Đánh giá hiệu quả các biện pháp xử lý y tế đã áp dụng;</li> <li>- Lấy mẫu xét nghiệm trong trường hợp nghi ngờ có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.</li> </ul>		<p>phương tiện vận tải đường thủy.</p>	
B7	<p>Xử lý y tế đối với phương tiện vận tải:</p> <p>Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế, kiểm dịch viên y tế có thể áp dụng một hoặc các biện pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diệt tác nhân gây bệnh, trung gian truyền bệnh;</li> <li>- Thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai việc thu gom, xử lý chất thải có khả năng mang tác nhân gây bệnh hoặc có nguy cơ gây bệnh truyền nhiễm;</li> <li>- Khử trùng.</li> </ul>	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cảng, cửa khẩu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không quá 01 giờ đối với một phương tiện vận tải đường bộ .</li> <li>- Không quá 06 giờ đối với một tàu thuyền kể từ thời điểm phát hiện ra phương tiện vận tải thuộc diện phải xử lý y tế.</li> <li>- Không quá 24 giờ đối với tàu thuyền trong trường hợp phải xử lý y tế bằng hình thức bẫy chuột, đặt mồi, xông hơi diệt chuột.</li> </ul>	<p>- BM.KD.02.04</p>
B8	<p>Trả kết quả cho tổ chức cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác nhận không cần phải kiểm tra y tế, kết thúc quy trình kiểm dịch; hoặc;</li> <li>- Cấp biên bản kiểm tra, giấy chứng nhận kiểm tra/ xử lý vệ sinh tàu thuyền; Giấy chứng nhận miễn kiểm tra/ xử lý vệ sinh tàu thuyền; Giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa, phương tiện</li> </ul>	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cảng, cửa khẩu	<p>15 phút</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu 06,</li> <li>- BM.KD.02.03</li> <li>- BM.KD.02.04</li> <li>- BM.KD.02.05</li> <li>- BM.KD.02.06</li> </ul>

	vận tải đường bộ , đường sắt; Giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa (Trên tàu thuyền) tàu thuyền.		
<b>2</b>	<b>BIỂU MẪU:</b> (Ghi chú: Áp dụng theo Nghị định 89/2018/NĐ-CP ngày 25/06/2018 của Chính phủ và Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng chính phủ.)		
2.1	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ	 Mẫu 06 .doc
2.2	BM.KD.02.01	Giấy khai báo y tế hàng hải.	 BM.KD.02.01
2.3	BM.KD.02.02	Giấy khai báo y tế hàng hóa và phương tiện vận tải (đối với đường bộ, đường sắt)	 BM.KD.02.02
2.4	BM.KD.02.03	Biên bản kiểm tra vệ sinh tàu thuyền	 BM.KD.02.03
2.5	BM.KD.02.04	Giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền	 BM.KD.02.04
2.6	BM.KD.02.05	Giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không	 BM.KD.02.05

2.7	BM.KD.02.06	Giấy chứng nhận kiểm tra/ xử lý y tế hàng hóa (trên tàu thuyền), tàu thuyền	 BM.KD.02.06
2.8	BM.KD.02.07	Bản khai chung	 BM.KD.02.07
<b>3</b>	<b>THU PHÍ, LỆ PHÍ:</b> (Áp dụng Thông tư 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, Y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập)		
TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa
1	Kiểm tra y tế và cấp Giấy chứng nhận miễn xử lý /xử lý vệ sinh tàu thuyền (gồm cả lần đầu, cấp lại)	USD/lần/tàu	130
2	Kiểm tra y tế và Gia hạn hoặc cấp lại Giấy chứng nhận miễn xử lý /xử lý vệ sinh tàu thuyền (gồm cả lần đầu, cấp lại)	USD/lần/tàu	65
3	Tàu biển trọng tải dưới 10.000 GRT	USD/lần/tàu	95
31.	Tàu biển trọng tải từ 10.000 GRT trở lên	USD/lần/tàu	110
4	Tàu thuyền, tàu kéo, tàu đẩy, xà lan tự hành sông biển trọng tải dưới 5000 GRT	USD/lần/tàu	26
4.1	Tàu thuyền, tàu kéo, tàu đẩy, xà lan tự hành sông biển trọng tải từ 5000 GRT trở lên	USD/lần/tàu	39
4.2	Tàu thuyền chở khách dưới 150 chỗ ngồi	USD/lần/tàu	18
4.3	Tàu thuyền chở khách từ 150 chỗ ngồi trở lên	USD/lần/tàu	75
5	Tàu bay các loại	USD/tàu	25

6	Tàu hỏa (Theo Toa, đầu tàu, xe goòng tính bằng một toa)	đồng/toa	50.000
7	Phương tiện thủy các loại (gồm tàu thuyền chở hàng hóa, chở người, ghe, đò, xuồng, tàu kéo, tàu đẩy) qua lại biên giới	đồng/lần/phương tiện	35.000
8	Phương tiện đường bộ các loại (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác) tải trọng từ 5 tấn trở lên	đồng/lần/xe	35.000
9	Phương tiện đường bộ các loại (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác) tải trọng dưới 5 tấn	đồng/lần/xe	25.000
<b>4</b>	<b>HỒ SƠ LUU</b>		
4.1	Mẫu 06.		
4.2	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3.		
4.3	Biên bản kiểm tra vệ sinh tàu thuyền.		
4.5	Bản sao giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/ chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền (nếu có cấp).		
4.6	Bản sao giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không.		
4.7	Bản sao giấy chứng nhận kiểm tra/ xử lý y tế hàng hóa ( trên tàu thuyền), tàu thuyền.		
Hồ sơ được lưu tại Trung tâm Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Nghệ An, thời gian lưu 03 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ lưu trữ của Sở Y tế và thực hiện lưu trữ theo quy định hiện hành.			



TỈNH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT  
SỞ Y TẾ NGHỆ AN  
KIỂM SOÁT  
BỆNH TẬT  
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

## THỦ TỤC

### CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ HÀNG HÓA

(Kèm theo Thông báo số 567/TB-KSBT ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình
III	Cấp giấy chứng nhận kiểm tra và xử lý y tế hàng hóa	QT.KD.03
1	<b>NỘI DUNG QUY TRÌNH</b>	
1.1	<b>Điều kiện thực hiện TTHC:</b> Tổ chức, cá nhân có hàng hóa nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh qua cửa khẩu, cảng biển.  Đối tượng phải khai báo y tế đối với hàng hóa: - Hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh phải được khai báo y tế, trừ trường hợp hàng hóa quá cảnh mà không bốc dỡ khỏi phương tiện, hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn và động vật, sản phẩm động vật thủy sản theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
	 Đối tượng kiểm tra giấy tờ: + Hàng hóa có yếu tố nguy cơ: . Hàng hóa vận chuyển qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát; . Hàng hóa mang hoặc có dấu hiệu mang mầm bệnh, trung gian truyền bệnh truyền nhiễm; . Hàng hóa vận chuyển bằng phương tiện có yếu tố nguy cơ: Phương tiện vận tải đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát; Phương tiện vận tải chở người bệnh hoặc người nghi ngờ mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm; Phương tiện vận tải chở hàng hóa mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm. . Hàng hóa có thông báo của cơ quan có thẩm quyền về nguy cơ lây lan dịch bệnh truyền nhiễm.	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hàng hóa có trung gian truyền bệnh truyền nhiễm, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc không bảo đảm điều kiện vệ sinh chung; phát hiện hàng hóa có trung gian truyền bệnh truyền nhiễm, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc không bảo đảm điều kiện vệ sinh chung (bao gồm phát hiện chất thải, chất tiết, dấu vết của trung gian truyền bệnh; hàng hóa có tình trạng nấm, mốc, mùi hôi thối).</li> </ul>		
-	<p>Đối tượng kiểm tra thực tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hàng hóa vận chuyển qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát;</li> <li>+ Hàng hóa mang hoặc có dấu hiệu mang mầm bệnh, trung gian truyền bệnh truyền nhiễm;</li> <li>+ Hàng hóa vận chuyển bằng phương tiện có yếu tố nguy cơ: <ul style="list-style-type: none"> <li>. Phương tiện vận tải đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát;</li> <li>. Phương tiện vận tải chở người bệnh hoặc người nghi ngờ mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm;</li> <li>. Phương tiện vận tải chở hàng hóa mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.</li> </ul> </li> <li>+ Hàng hóa có thông báo của cơ quan có thẩm quyền về nguy cơ lây lan dịch bệnh truyền nhiễm.</li> <li>+ Hàng hóa xuất phát hoặc đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ ghi nhận có trường hợp bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A mà chưa được xử lý y tế; phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất phát hoặc đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ ghi nhận có trường hợp bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A mà chưa được xử lý y tế;</li> </ul>		
-	<p>Đối tượng xử lý y tế:</p> <p>Hàng hóa bị kiểm tra mang hoặc có dấu hiệu mang mầm bệnh truyền nhiễm nhóm A hoặc trung gian truyền bệnh truyền nhiễm nhóm A.</p>		
1.2	<p><b>Cách thức thực hiện TTHC:</b> Thực hiện trực tiếp tại bộ phận Kiểm dịch y tế đóng tại Cửa khẩu Cửa khẩu Nậm Cắn; Cảng Cửa Lò; Cảng Vissai; Cảng Bến Thủy. Cảng hàng không quốc tế Vinh.</p>		
1.3	<p><b>Thành phần hồ sơ</b></p>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>
-	<p>Đối với hàng hóa vận tải bằng đường bộ:</p>		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy khai báo y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, theo mẫu BM.KD.03.01</li> </ul>	 BM.KD.03.01	x

	+ Giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt (nếu có);	x	
-	<i>Đối với hàng hóa vận tải bằng đường thủy:</i>		
	+ Bản sao bản khai hàng hóa, theo mẫu BM.KD.03.02   BM.KD.03.02		x
	+ Giấy chứng nhận kiểm tra y tế hàng hóa (trên tàu thuyền), tàu thuyền (nếu có).	x	
-	Đơn đề nghị: Trường hợp người khai báo y tế yêu cầu kiểm tra, xử lý y tế hàng hóa để cấp giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa, theo mẫu BM.KD.03.03   BM.KD.03.03	x	
<b>1.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 (bộ)		
<b>1.5</b>	<p><b>Thời hạn giải quyết:</b> Trong ngày làm việc (Tùy thực tế đối với từng loại đối tượng kiểm dịch).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian hoàn thành việc giám sát đối với hàng hóa không quá 01 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 03 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên.</li> <li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một lô hàng hóa không quá 20 phút.</li> <li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế phải không quá 01 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 03 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên.</li> <li>- Thời gian hoàn thành các biện pháp xử lý y tế không quá 02 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 06 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 02 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.</li> </ul>		
<b>1.6</b>	<p><b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả:</b></p> <p>Nhận và trả trực tiếp tại bộ phận Kiểm dịch y tế: Cửa khẩu Cửa khẩu Nậm Cắn; Cảng Cửa Lò; Cảng Vissai; Cảng Bến Thủy. Cảng hàng không quốc tế Vinh.</p>		

1.7	<p><b>Cơ quan thực hiện:</b> Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Nghệ An (Bộ phận Kiểm dịch Y tế quốc tế: Cửa khẩu Cửa khẩu Nậm Cắn; Cảng Cửa Lò; Cảng Vissai; Cảng Bến Thủy. Cảng hàng không quốc tế Vinh)</p> <p><b>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Nghệ An (Bộ phận Kiểm dịch Y tế quốc tế: Cửa khẩu Nậm Cắn; Cảng Cửa Lò; Cảng Vissai; Cảng Bến Thủy. Cảng hàng không quốc tế Vinh).</p> <p><b>Cơ quan được ủy quyền:</b> Không</p> <p><b>Cơ quan phối hợp:</b> Không</p>			
1.8	<b>Đối tượng thực hiện TTHC:</b> Tổ chức, cá nhân.			
1.9	<p><b>Kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác nhận không cần phải kiểm tra y tế, kết thúc quy trình kiểm dịch y tế; hoặc:</li> <li>- Cấp giấy chứng nhận xử lý y tế đối với hàng hóa.</li> </ul>			
1.10	<b>Quy trình xử lý công việc</b>			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	<p>Khai báo y tế đối với hàng hóa:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với hàng hóa vận tải bằng đường bộ: người khai báo y tế khai, nộp giấy khai báo y tế hàng hóa, giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt (nếu có) cho tổ chức kiểm dịch y tế biên giới hoặc qua Cổng thông tin một cửa quốc gia trước khi hàng hóa được phép nhập khẩu xuất khẩu, quá cảnh.</li> <li>- Đối với hàng hóa vận tải bằng đường thủy: người khai báo y tế thực hiện khai, nộp bản sao bản khai hàng hóa và giấy chứng nhận kiểm tra y tế hàng hóa (trên tàu thuyền), tàu thuyền (nếu có) cho tổ chức kiểm dịch y tế biên giới hoặc qua Cổng thông tin một cửa quốc gia trước 12 giờ kể từ khi hàng hóa dự kiến nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh.</li> </ul>	Tổ chức, cá nhân, cán bộ kiểm dịch y tế tại cảng, cửa khẩu	Trong ngày	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu 06</li> <li>- BM.KD.03.01</li> <li>- BM.KD.03.02</li> <li>- BM.KD.03.03</li> </ul>
B2	<p>Thu thập thông tin trước khi hàng hóa vận chuyển qua biên giới</p> <p>Các thông tin cần thu thập:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tin về nơi hàng hóa xuất phát hoặc quá cảnh;</li> </ul>	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cảng, cửa khẩu	30 phút	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tin về chủng loại, số lượng, bảo quản, đóng gói hàng hóa và phương tiện vận chuyển.</li> </ul>		
B3	<p>Xử lý thông tin đối với hàng hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm dịch viên y tế thực hiện kiểm tra y tế đối với các hàng hóa có yếu tố nguy cơ bao gồm:</li> <li>+ Hàng hóa vận chuyển qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát;</li> <li>+ Hàng hóa mang hoặc có dấu hiệu mang mầm bệnh, trung gian truyền bệnh truyền nhiễm;</li> <li>+ Hàng hóa vận chuyển bằng phương tiện có yếu tố nguy cơ: <ul style="list-style-type: none"> <li>. Phương tiện vận tải đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát;</li> <li>. Phương tiện vận tải chở người bệnh hoặc người nghi ngờ mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm;</li> <li>. Phương tiện vận tải chở hàng hóa mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.</li> </ul> </li> <li>+ Hàng hóa có thông báo của cơ quan có thẩm quyền về nguy cơ lây lan dịch bệnh truyền nhiễm.</li> <li>- Trường hợp hàng hóa không có yếu tố nguy cơ kiểm dịch viên y tế thực hiện giám sát hàng hóa trong thời gian chờ nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh gồm các nội dung sau:</li> <li>+ Đối chiếu giấy khai báo y tế đối với hàng hóa, trừ trường hợp hàng hóa quá cảnh mà không bốc dỡ khỏi phương tiện;</li> <li>+ Giám sát tác nhân gây bệnh truyền nhiễm, trung gian gây bệnh truyền nhiễm xâm nhập vào hàng hóa.</li> <li>- Thực hiện giám sát theo quy định đối với hàng hóa nhập khẩu chờ làm thủ tục nhập khẩu trước khi chuyển về kho ngoại quan nằm ngoài cửa khẩu.</li> <li>- Trong quá trình giám sát, nếu phát hiện hàng hóa có trung gian truyền bệnh truyền nhiễm, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc không bảo đảm điều kiện vệ sinh chung (bao gồm</li> </ul>	<p>Cán bộ kiểm dịch y tế tại cảng, cửa khẩu</p>	01 giờ

	<p>phát hiện chất thải, chất tiết, dấu vết của trung gian truyền bệnh; hàng hóa có tình trạng nấm, mốc, mùi hôi thối), kiểm dịch viên y tế thu thập thêm thông tin về các biện pháp xử lý y tế đã áp dụng, cần hỗ trợ, đề xuất biện pháp kiểm tra y tế vào Giấy khai báo y tế đối với hàng hóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hàng hóa không thuộc một trong các trường hợp quy định, kiểm dịch viên y tế xác nhận kết quả kiểm dịch y tế và kết thúc quy trình kiểm dịch.</li> </ul>			
B4	<p>Kiểm tra giấy tờ đối với hàng hóa</p> <p>Kiểm dịch viên y tế kiểm tra các loại giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với hàng hóa vận tải bằng đường bộ; giấy khai báo y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không, giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không (nếu có);</li> <li>- Đối với hàng hóa vận tải bằng đường thủy: Bản sao bản khai hàng hóa; giấy chứng nhận kiểm tra y tế hàng hóa (trên tàu thuyền), tàu thuyền (nếu có).</li> </ul>	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cảng, cửa khẩu	20 phút	
B5	<p>Kiểm tra thực tế đối với hàng hóa</p> <p>Kiểm dịch viên y tế yêu cầu đưa hàng hóa vào khu vực kiểm tra y tế, thực hiện kiểm tra các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Nội dung khai báo với thực tế hàng hóa:</li> <li>- Tình trạng vệ sinh chung;</li> <li>- Trung gian truyền bệnh truyền nhiễm;</li> <li>- Quy định về dụng cụ, bao gói chứa đựng, thông tin ghi trên nhãn; điều kiện vận chuyển;</li> <li>- Đánh giá hiệu quả các biện pháp xử lý y tế đã áp dụng;</li> <li>- Lấy mẫu xét nghiệm trong các trường hợp:</li> <li>+ Hàng hóa có yếu tố nguy cơ bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>. Hàng hóa vận chuyển qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát;</li> </ul> </li> </ul>	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cảng, cửa khẩu	<p>Không quá 01 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 03 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên.</p>	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>. Hàng hóa mang hoặc có dấu hiệu mang mầm bệnh, trung gian truyền bệnh truyền nhiễm;</li> <li>. Hàng hóa vận chuyển bằng phương tiện có yếu tố nguy cơ: <ul style="list-style-type: none"> <li>* Phương tiện vận tải đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát;</li> <li>* Phương tiện vận tải chở người bệnh hoặc người nghi ngờ mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm;</li> <li>* Phương tiện vận tải chở hàng hóa mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.</li> </ul> </li> <li>. Hàng hóa có thông báo của cơ quan có thẩm quyền về nguy cơ lây lan dịch bệnh truyền nhiễm. <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hàng hóa có trung gian truyền bệnh truyền nhiễm, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc không bảo đảm điều kiện vệ sinh chung (bao gồm phát hiện chất thải, chất tiết, dấu vết của trung gian truyền bệnh; hàng hóa có tình trạng nấm, mốc, mùi hôi thối).</li> <li>+ Hàng hóa thuộc một trong các trường hợp: <ul style="list-style-type: none"> <li>. Xuất phát hoặc đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ ghi nhận có trường hợp bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A mà chưa được xử lý y tế;</li> <li>. Phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất phát hoặc đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ ghi nhận có trường hợp bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A mà chưa được xử lý y tế.</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>			
B6	<p>Xử lý y tế đối với hàng hóa</p> <p>Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế, kiểm dịch viên y tế có thể áp dụng một hoặc các biện pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khử trùng, diệt tác nhân gây bệnh, trung gian truyền bệnh truyền nhiễm;</li> <li>- Buộc tiêu hủy hoặc tái xuất đối với hàng hóa không thể diệt được tác nhân gây bệnh, trung gian truyền bệnh truyền nhiễm.</li> </ul>	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cảng, cửa khẩu	<p>Không quá 02 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 06 giờ đối với lô hàng hóa</p>	

			từ 10 tấn trở lên.	
B7	Trả kết quả cho tổ chức cá nhân: - Xác nhận không cần phải kiểm tra y tế, kết thúc quy trình kiểm dịch y tế; hoặc: - Cấp giấy chứng nhận xử lý y tế đối với hàng hóa.	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cảng, cửa khẩu	15 phút	- Mẫu 06 - BM.KD.03.04 - BM.KD.03.05
<b>2</b>	<b>BIỂU MẪU:</b> (Ghi chú: Áp dụng theo Nghị định 89/2018/NĐ-CP ngày 25/06/2018 của Chính phủ và Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng chính phủ.)			
2.1	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ		Mẫu 06 .doc
2.2	BM.KD.03.01	Giấy khai báo Y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt		BM.KD.03.01
2.3	BM.KD.03.02	Bản sao bản khai hàng hóa		BM.KD.03.02
2.4	BM.KD.03.03	Đơn đề nghị		BM.KD.03.03
2.5	BM.KD.03.04	Giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không.		BM.KD.03.04

2.6	BM.KD.03.05	Giấy chứng nhận kiểm tra y tế hàng hóa (trên tàu thuyền), tàu thuyền	 BM.KD.03.05
<b>3</b>	<b>THU PHÍ, LỆ PHÍ:</b> (Áp dụng Thông tư 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, Y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập)		
TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa
<b>I</b>	<b>Kiểm dịch y tế hàng hóa xuất, nhập, quá cảnh qua cửa khẩu đường bộ</b>		
1	Dưới 5 tấn	đồng/lần kiểm tra	35.000
2	Từ 5 tấn đến 10 tấn	đồng/lần kiểm tra	50.000
3	Từ trên 10 tấn đến 15 tấn	đồng/lần kiểm tra	60.000
4	Từ trên 15 tấn đến 30 tấn	đồng/lần kiểm tra	75.000
5	Từ trên 30 tấn đến 60 tấn	đồng/lần kiểm tra	80.000
6	Từ trên 60 tấn đến 100 tấn	đồng/lần kiểm tra	110.000
7	Từ trên 100 tấn	đồng/lần kiểm tra	140.000
8	Lô/kiện dưới 10kg	đồng/lần kiểm tra	7.000
9	Lô/kiện từ 10kg đến 100kg	đồng/lần kiểm tra	15.000
10	Lô/kiện trên 100kg	đồng/lần kiểm tra	20.000
<b>II</b>	<b>Kiểm dịch y tế hàng hóa xuất, nhập, quá cảnh qua đường hàng không, đường thủy, đường sắt, đường bưu điện</b>		
1	Kiểm tra y tế Lô hàng dưới 10 kg	USD/ lần kiểm tra	1,4
2	Kiểm tra y tế Lô hàng từ 10 kg đến 50 kg	USD/ lần kiểm tra	4
3	Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 50 kg đến 100 kg	USD/ lần kiểm tra	6

4	Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 100 kg đến 1 tấn	USD/ lần kiểm tra	13
5	Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 1 tấn đến 10 tấn	USD/ lần kiểm tra	39
6	Kiểm tra y tế Lô hàng từ trên 10 tấn đến 100 tấn	USD/ lần kiểm tra	90
7	Kiểm tra y tế Lô hàng trên 100 tấn	USD/ lần kiểm tra	100

#### **4 HỒ SƠ LUU**

4.1	Mẫu 06.
4.2	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3.
4.3	Biên bản kiểm tra vệ sinh tàu thuyền.
4.4	Bản sao giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hàng hóa, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không.
4.5	Bản sao giấy chứng nhận kiểm tra y tế hàng hóa (trên tàu thuyền), tàu thuyền.

Hồ sơ được lưu tại Trung tâm Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Nghệ An, thời gian lưu 03 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ lưu trữ của Sở Y tế và thực hiện lưu trữ theo quy định hiện hành.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

THỦ TỤC

**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH Y TẾ THI THẺ, HÀI CỐT, TRO CỐT**

(Kèm theo Thông báo số 567/TB-KSBT ngày 15 tháng 6 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình
IV	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt, tro cốt	QT.KD.04
1	<b>NỘI DUNG QUY TRÌNH</b>	
1.1	<b>Điều kiện thực hiện TTHC:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Đối tượng phải khai báo y tế: Thi thể, hài cốt vận chuyển qua biên giới phải được khai báo y tế.</li><li>Đối tượng kiểm tra giấy tờ: Tất cả các thi thể, hài cốt vận chuyển qua biên giới.</li><li>Đối tượng kiểm tra thực tế: Tất cả các thi thể, hài cốt vận chuyển qua biên giới.</li><li>Đối tượng xử lý y tế:<ul style="list-style-type: none"><li>Thi thể, hài cốt không có giấy xác nhận đã qua xử lý y tế</li><li>Thi thể, hài cốt không bảo đảm điều kiện về vệ sinh, vận chuyển theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li></ul></li></ul>	
1.2	<b>Cách thức thực hiện TTHC:</b> Thực hiện trực tiếp tại bộ phận Kiểm dịch y tế đóng tại Cửa khẩu Cửa khẩu Nậm Cắn; Cảng Cửa Lò; Cảng Vissai; Cảng Bến Thủy. Cảng hàng không quốc tế Vinh.	
1.3	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>
-	Giấy khai báo y tế thi thể, hài cốt (bao gồm cả tro cốt), theo mẫu BM.KD.04.01	X

-	Giấy xác nhận đã qua xử lý y tế của nơi xuất phát	x		
-	Giấy phép nhập cảnh thi thể, hài cốt về Việt Nam	x		
-	Giấy tờ chứng minh tử vong (đối với thi thể, hài cốt).	x		
<b>1.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ hồ sơ đối với 01 thi thể, hài cốt			
<b>1.5</b>	<p><b>Thời hạn giải quyết:</b> Trong ngày làm việc (Tùy thực tế đối với từng loại đối tượng kiểm dịch)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ đối với một thi thể hoặc một hài cốt không quá 15 phút kể từ khi nộp đủ các loại giấy tờ.</li> <li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế đối với một thi thể hoặc một hài cốt không quá 01 giờ kể từ khi nộp đủ giấy tờ.</li> <li>- Thời gian hoàn thành việc xử lý y tế đối với một thi thể hoặc một hài cốt không quá 03 giờ kể từ khi tổ chức kiểm dịch y tế biên giới yêu cầu xử lý y tế. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản, nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.</li> </ul>			
<b>1.6</b>	<b>Noi tiếp nhận và trả kết quả:</b> Tại bộ phận Kiểm dịch y tế đóng tại Cửa khẩu: Cửa khẩu Nậm Cắn; Cảng Cửa Lò; Cảng Vissai; Cảng Bến Thủy. Cảng hàng không quốc tế Vinh.			
<b>1.7</b>	<p><b>Cơ quan thực hiện:</b> Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Nghệ An (Bộ phận Kiểm dịch Y tế quốc tế: Cửa khẩu Nậm Cắn).</p> <p><b>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Nghệ An (Bộ phận Kiểm dịch Y tế quốc tế: Cửa khẩu Nậm Cắn).</p> <p><b>Cơ quan được ủy quyền:</b> Không</p> <p><b>Cơ quan phối hợp:</b> Không</p>			
<b>1.8</b>	<b>Đối tượng thực hiện TTHC:</b> Tổ chức, cá nhân vận chuyển thi thể, hài cốt, tro cốt qua biên giới			
<b>1.9</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC:</b> Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt			
<b>1.10</b>	<b>Quy trình xử lý công việc</b>			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Khai báo y tế đối với thi thể, hài cốt Người khai báo y tế thực hiện khai, nộp giấy khai báo y tế thi thể, hài cốt, tro cốt, bản chụp giấy xác nhận đã qua xử	Tổ chức, cá nhân, cán bộ kiểm dịch y tế cửa khẩu	Trong ngày	- Mẫu 06 - BM.KD.04.01

	<p>lý y tế của nơi xuất phát (đối với thi thể, hài cốt), giấy phép nhập cảnh thi thể, hài cốt về Việt Nam theo quy định của Bộ Ngoại giao và giấy tờ chứng minh tử vong (đối với thi thể, hài cốt) cho tổ chức kiểm dịch y tế biên giới hoặc qua Cổng thông tin một cửa quốc gia trước khi hoàn thành thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.</p>			
B2	<p><b>Thu thập thông tin</b>          Kiểm dịch viên y tế thu thập thông tin từ giấy khai báo y tế thi thể, hài cốt, bản chụp giấy xác nhận đã qua xử lý y tế của nơi xuất phát (không áp dụng đối với tro cốt), giấy phép nhập cảnh thi thể, hài cốt về Việt Nam theo quy định của Bộ Ngoại giao và giấy tờ chứng minh tử vong (không áp dụng đối với tro cốt).</p>	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn	30 phút	
B3	<p><b>Xử lý thông tin</b>  <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không cho phép vận chuyển qua biên giới thi thể, hài cốt do mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.</li> <li>- Kiểm dịch viên y tế thực hiện giám sát tình trạng vệ sinh, điều kiện vận chuyển đối với thi thể, hài cốt.</li> </ul> </p>	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn	30 phút	
B4	<p><b>Kiểm tra giấy tờ</b>          Kiểm dịch viên y tế kiểm tra các loại giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khai báo y tế thi thể, hài cốt (bao gồm cả tro cốt);</li> <li>- Giấy xác nhận đã qua xử lý y tế của nơi xuất phát;</li> <li>- Giấy phép nhập cảnh thi thể, hài cốt về Việt Nam;</li> <li>- Giấy tờ chứng minh tử vong (đối với thi thể, hài cốt).</li> </ul>	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn	15 phút	
B5	<p><b>Kiểm tra thực tế</b>          Kiểm dịch viên y tế thực hiện các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đổi chiếu nội dung khai báo y tế với thực tế bảo quản thi thể, hài cốt;</li> <li>- Kiểm tra tình trạng vệ sinh, điều kiện vận chuyển theo quy định của Bộ Y tế.</li> </ul>	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn	01 giờ	

B6	Xử lý y tế Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế, kiểm dịch viên y tế: - Thực hiện hoặc phối hợp với đơn vị có liên quan xử lý y tế theo quy định của pháp luật về mai táng, hỏa táng; - Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt sau khi hoàn thành việc xử lý y tế quy định tại điểm a khoản này.	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn	03 giờ	- BM.KD.04.02
B7	Trả kết quả cho tổ chức cá nhân Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn	15 phút	- Mẫu 06 - BM.KD.04.02
2	<b>BIỂU MẪU:</b> (Ghi chú: Áp dụng theo Nghị định 89/2018/NĐ-CP ngày 25/06/2018 của Chính phủ.)			
2.1	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ	 Mẫu 06 .doc	
2.2	BM.KD.04.01	Giấy khai báo y tế thi thể, hài cốt (bao gồm cả tro cốt)	 BM.KD.04.01	
2.3	BM.KD.04.02	Giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt	 BM.KD.04.02	
3	<b>THU PHÍ, LỆ PHÍ:</b> (Áp dụng Thông tư 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, Y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập)			
TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá tối đa	
3.1	Kiểm tra y tế đối với thi thể	USD/lần kiểm tra	20	

3.2	Kiểm tra y tế đối với hài cốt	USD/lần kiểm tra	7
3.3	Kiểm tra y tế đối với tro cốt	USD/lần kiểm tra	5
3.4	Xử lý vệ sinh thi thể	USD/lần xử lý	40
3.5	Xử lý vệ sinh hài cốt	USD/lần xử lý	14
<b>4</b>	<b>HỒ SƠ LUU</b>		
4.1	Mẫu 06.		
4.2	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3.		
4.3	Bản sao giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt.		
Hồ sơ được lưu tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Nghệ An, thời gian lưu 03 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ lưu trữ của Sở Y tế và thực hiện lưu trữ theo quy định hiện hành.			





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

THỦ TỤC  
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH Y TẾ MẪU VI SINH Y HỌC  
SẢN PHẨM SINH HỌC, MÔ, BỘ PHẬN CƠ THỂ NGƯỜI

(Kèm theo Thông báo số 567/TB-KSBT ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình
V	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người.	QT.KD.05
1	<b>NỘI DUNG QUY TRÌNH</b>	
1.1	<b>Điều kiện thực hiện TTHC</b>	
-	Đối tượng phải khai báo y tế: Mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người vận chuyển qua biên giới phải được khai báo y tế.	
-	Đối tượng kiểm tra giấy tờ: Tất cả mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người vận chuyển qua biên giới.	
-	Đối tượng kiểm tra thực tế: Tất cả mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người vận chuyển qua biên giới.	
-	Đối tượng xử lý y tế: Mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người không bảo đảm điều kiện vệ sinh hoặc điều kiện về bảo quản, vận chuyển.	
1.2	<b>Cách thức thực hiện TTHC:</b> Thực hiện trực tiếp tại bộ phận Kiểm dịch y tế đóng tại Cửa khẩu: Cửa khẩu Nậm Cắn; Cảng Cửa Lò; Cảng Vissai; Cảng Bến Thủy. Cảng hàng không quốc tế Vinh.	
1.3	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b> <b>Bản sao</b>
-	Giấy khai báo y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người, theo mẫu BM.KD.05.01	x

		 BM.KD.05.01		
-	Giấy phép nhập khẩu mẫu bệnh phẩm (đối với mẫu vi sinh y học liên quan đến mẫu bệnh phẩm ở người).		x	
<b>1.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 (bộ)			
<b>1.5</b>	<p><b>Thời hạn giải quyết:</b> Trong ngày làm việc (Tùy thực tế đối với từng loại đối tượng kiểm dịch)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ đối với một lô mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người không quá 15 phút kể từ khi nộp đủ các loại giấy tờ.</li> <li>- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế đối với một lô mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học hoặc một mô, một bộ phận cơ thể người không quá 01 giờ kể từ khi nộp đủ giấy tờ.</li> <li>- Thời gian hoàn thành việc xử lý y tế đối với một lô mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học hoặc một mô, một bộ phận cơ thể người không quá 01 giờ kể từ khi tổ chức kiểm dịch y tế biên giới yêu cầu xử lý y tế. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.</li> </ul>			
<b>1.6</b>	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả:</b> Tại bộ phận Kiểm dịch y tế đóng tại Cửa khẩu Cửa khẩu Nậm Cắn; Cảng Cửa Lò; Cảng Vissai; Cảng Bến Thủy. Cảng hàng không quốc tế Vinh.			
<b>1.7</b>	<p><b>Cơ quan thực hiện:</b> Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An (Bộ phận Kiểm dịch Y tế quốc tế: Cửa khẩu Nậm Cắn).</p> <p><b>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An (Bộ phận Kiểm dịch Y tế quốc tế: Cửa khẩu Nậm Cắn)</p> <p><b>Cơ quan được ủy quyền:</b> Không</p> <p><b>Cơ quan phối hợp:</b> Không</p>			
<b>1.8</b>	<b>Đối tượng thực hiện TTHC:</b> Tổ chức, cá nhân.			
<b>1.9</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC:</b> Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người			
<b>1.1 0</b>	<b>Quy trình xử lý công việc</b>			

TRUNG  
 KIỂM  
 BỆN  
 T.TNG

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	<p><b>Khai báo y tế</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khai báo y tế thực hiện khai, nộp giấy khai báo y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người cho tổ chức kiểm dịch y tế biên giới hoặc qua Cổng thông tin một cửa quốc gia trước khi hoàn thành thủ tục vận chuyển qua biên giới.</li> <li>- Đổi với mẫu vi sinh y học liên quan đến mẫu bệnh phẩm ở người, người khai báo y tế nộp giấy phép nhập khẩu mẫu bệnh phẩm cho tổ chức kiểm dịch y tế biên giới hoặc qua Cổng thông tin một cửa quốc gia trước khi hoàn thành thủ tục vận chuyển qua biên giới.</li> </ul>	Tổ chức, cá nhân, cán bộ kiểm dịch y tế tại cảng, cửa khẩu	Trong ngày	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu 06</li> <li>- BM.KD.05.01</li> </ul>
B2	<p><b>Thu thập thông tin</b></p> <p>Kiểm dịch viên y tế thu thập giấy khai báo y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người; giấy phép nhập khẩu mẫu bệnh phẩm theo quy định của Bộ Y tế (đối với mẫu vi sinh y học liên quan đến mẫu bệnh phẩm ở người).</p>	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn	30 phút	
B3	<p><b>Xử lý thông tin</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không cho phép nhập khẩu đối với mẫu vi sinh y học liên quan đến mẫu bệnh phẩm ở người chưa có giấy phép nhập khẩu mẫu bệnh phẩm.</li> <li>- Kiểm dịch viên y tế thực hiện giám sát điều kiện bảo quản vận chuyển đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người.</li> </ul>	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn	30 phút	
B4	<p><b>Kiểm tra giấy tờ</b></p> <p>Kiểm dịch viên y tế kiểm tra các loại giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy khai báo y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người;</li> <li>- Giấy phép nhập khẩu mẫu bệnh phẩm (đối với mẫu vi sinh y học liên quan đến mẫu bệnh phẩm ở người).</li> </ul>	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn	15 phút	

TỈNH  
 GIA LAI  
 SOA  
 HỘ KHẨU  
 HỆ THỐNG  
 ★

B5	<p><b>Kiểm tra thực tế</b></p> <p>Kiểm dịch viên y tế thực hiện các nội dung sau:</p> <p>a) Đổi chiều nội dung khai báo y tế đối với sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người với thực tế tình trạng vệ sinh;</p> <p>b) Đổi chiều nội dung khai báo y tế mẫu vi sinh y học liên quan đến mẫu bệnh phẩm ở người với tình trạng vệ sinh, điều kiện bảo quản, vận chuyển theo quy định của Bộ Y tế.</p>	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn	01 giờ	
B6	<p><b>Xử lý y tế</b></p> <p>Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế, kiểm dịch viên y tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo quản, vận chuyển theo quy định:</li> <li>- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người sau khi hoàn thành việc xử lý y tế.</li> </ul>	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn	01 giờ	- BM.KD.05.02
B7	<p>Trả kết quả cho tổ chức cá nhân:</p> <p>Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người</p>	Cán bộ kiểm dịch y tế tại cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn	15 phút	- BM.KD.05.02
<b>2</b>	<b>BIỂU MẪU:</b> (Ghi chú: Áp dụng theo Nghị định 89/2018/NĐ-CP ngày 25/06/2018 của Chính phủ.)			
2.1	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ	 Mẫu 06 .doc	
2.2	BM.KD.05.01	Giấy khai báo y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	 BM.KD.05.01	
2.3	BM.KD.05.02	Giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	 BM.KD.05.02	

<b>3</b>	<b>THU PHÍ, LỆ PHÍ:</b> (Áp dụng Thông tư 240/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, Y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập)		
<b>TT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức giá tối đa</b>
3.1	Kiểm tra y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	USD/lần kiểm tra /kiện, lô mẫu, sản phẩm, mô, bộ phận	6,5
<b>4</b>	<b>HỒ SƠ LUU</b>		
4.1	Mẫu 06		
4.2	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3		
4.3	Bản sao Giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người		
Hồ sơ được lưu tại Trung tâm Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Nghệ An, thời gian lưu 03 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ lưu trữ của Sở Y tế và thực hiện lưu trữ theo quy định hiện hành.			

